

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày 15-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Nguyễn Thị Phin

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP; trụ sở: Toà nhà A, số 57 B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông E; địa chỉ; Tổ 18 phường F, quận G, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số 048/2018/GUQ-TPB.BĐH ngày 26-3-2018 của Giám đốc Khối Pháp chế và xử lý nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần MK; trụ sở: Số 107 H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1 và bà NLQ2; cùng cư trú tại: Số 29a, ngõ 246B K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Ông NLQ3 và bà NLQ4; cùng cư trú tại: Thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26-3-2018; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 30-7-2018; Đơn đề nghị ngày 18-12-2019; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15-9-2011 Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP chi nhánh Hải Phòng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần MK (sau đây viết tắt là Công ty MK) đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1509.11/HĐTD-TPBHP/MK để vay vốn của Ngân hàng với hạn mức là 2.890.000.000 đồng. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty MK số tiền 2.890.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số: 1 ngày 15-9-2011; mục đích vay: Thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Q theo Hợp đồng kinh tế số 9/9/HĐKT ngày 09-9-2011; thời hạn cho vay: 06 tháng, từ ngày giải ngân 15-9-2011 đến ngày 15-3-2012; lãi suất trong hạn 23%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Giữa Ngân hàng, Công ty MK và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01271010/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 27-10-2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 02310511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 31-5-2011 để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của khoản vay, bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 10, diện tích 837m² và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng diện tích 170m² tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-11-2005 cho bà NLQ4; quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487a, tờ bản đồ số 10, diện tích 281m² đất tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA854193 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15-10-2010 cho bà NLQ2 và chồng là ông NLQ1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty MK đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Nên, kể từ ngày 15-3-2012, toàn bộ khoản nợ của Công ty MK đã được chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện để khách hàng vay và bên thế chấp có kế hoạch trả nợ, tất toán khoản vay nhưng Công ty MK vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 23-10-2019, Ngân hàng đã có Văn bản số 1784/2019/CV-TPB.LC gửi

cho chủ tài sản bảo đảm là ông NLQ3, bà NLQ4: Đồng ý cho bên vay hoặc chủ tài sản nộp số tiền 1.500.000.000 đồng để được Ngân hàng đồng ý cho giải chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất tại số 487, tờ bản đồ số 10, diện tích 837m² và tài sản trên đất là cùng ngôi nhà 01 tầng diện tích 170m² tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng. Ngày 22-11-2019, ông NLQ3, bà NLQ4 đã nộp cho Ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng (trong đó, thanh toán 1.000.000.000 đồng của một phần nợ gốc khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân Q và 500.000.000 đồng một phần nợ gốc khoản vay của Công ty MK). Ngày 22-11-2019, Ngân hàng đã có Văn bản số 2078/2019/CV-TPB.LC gửi cho chủ tài sản bảo đảm là ông NLQ1, bà NLQ2: Đồng ý cho bên vay hoặc chủ tài sản nộp số tiền 600.000.000 đồng để được Ngân hàng đồng ý cho giải chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487a, tờ bản đồ số 10, diện tích 281m² đất tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng. Ngày 11-12-2019, ông NLQ1 đã nộp cho Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng để trả một phần nợ gốc khoản vay của Công ty MK. Tính đến ngày 15-5-2020, Công ty MK còn nợ Ngân hàng số tiền 9.484.380.543 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.790.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 138.232.409 đồng, nợ lãi quá hạn 7.556.148.125 đồng. Nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty MK phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-5-2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn của hợp đồng đã ký kết và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản bảo đảm.

Tại bản tự khai đề ngày 21-10-2019, Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 22-10-2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà R (Chức vụ: Giám đốc Công ty MK) trình bày: Công ty MK và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Giấy nhận nợ để vay vốn của Ngân hàng với số tiền là 2.890.000.000 đồng. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty MK, giữa Ngân hàng, Công ty MK và bên thứ ba đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, Công ty MK chỉ đứng tên vay hộ cho Công ty TNHH S; trụ sở: Số 318 đường K, quận M, thành phố Hải Phòng (ông NLQ1 là người đại diện theo pháp luật); mục đích của khoản tiền vay trên là để Công ty S đảo khoản nợ tại Ngân hàng. Nên, toàn bộ tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay đều là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông NLQ1, bà NLQ2 và bố mẹ của ông NLQ1, bà NLQ2 là ông NLQ3, bà NLQ4. Công ty MK đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 26-12-2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ4 trình bày: Năm 2010 bà và chồng là ông NLQ3 đã ủy quyền cho con gái là bà NLQ2 để bà NLQ2 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất diện tích 837m² tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-11-2005 cho bà để bảo đảm

cho khoản tiền vay của Công ty MK. Trường hợp Công ty MK không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1, bà NLQ2 và ông NLQ3 đều vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cũng như đã nhiều lần triệu tập đương sự đến Tòa án để làm việc, nhưng ông NLQ1, bà NLQ2 và ông NLQ3 đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và khi có đương sự vắng mặt tại phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 121, Điều 122 Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 9.484.380.543 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.790.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 138.232.409 đồng, nợ lãi quá hạn 7.556.148.125 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm. Về án phí: Bị đơn phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại số 107 H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng. Nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1, bà NLQ2, ông NLQ3 và bà NLQ4. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ ba nhưng bị đơn (có Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 22-10-2019); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1509.11/HĐTD-TPBHP/MK ngày 15-9-2011; Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01271010/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 27-10-2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 02310511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 31-5-2011 giữa Ngân hàng, Công ty MK và bên thế chấp tài sản được ký kết do các bên tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, Điều 122 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận, đã giải ngân cho bị đơn số tiền 2.890.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số: 1 ngày 15-9-2011. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng. Nên, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ gốc 2.890.000.000 đồng của bị đơn sang nợ quá hạn. Ngày 22-11-2019, chủ sở hữu tài sản bảo đảm của thửa đất tại số 487, tờ bản đồ số 10, diện tích là 837m² và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng diện tích 170m² tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng là ông NLQ3, bà NLQ4 đã nộp cho Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng trả một phần nợ gốc khoản vay của Công ty MK; ngày 11-12-2019, ông NLQ1 là đồng sở hữu tài sản bảo đảm của thửa đất số 487a, tờ bản đồ số 10, diện tích là 281m² đất tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng đã nộp cho Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng trả một phần nợ gốc khoản vay của Công ty MK. Như vậy, bên thứ ba đã tự nguyện trả cho Ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng được trừ vào tiền nợ gốc của Công ty MK. Về phía

bị đơn cũng thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 1.790.000.000 đồng và yêu cầu đòi tiền nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi: Tại hợp đồng tín dụng lãi suất các bên thỏa thuận là 23%/năm (có sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng); lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Việc các bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Theo bản kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15-5-2020), bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn 138.232.409 đồng, nợ lãi quá hạn 7.556.148.125 đồng. Như vậy, yêu cầu đòi tiền nợ lãi của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Từ những phân tích và đánh giá tại mục [4], [5], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1509.11/HĐTD-TPBHP/MK ngày 15-9-2011 tính đến ngày 15-5-2020 là 9.484.380.543 đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.790.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 138.232.409 đồng, nợ lãi quá hạn 7.556.148.125 đồng.

[7] Đối với việc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản bảo đảm. Thấy rằng, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản bảo đảm là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1, bà NLQ2, ông NLQ3, bà Giầy đã nộp cho Ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng được trừ vào một phần nợ gốc khoản vay của bị đơn, đã được nguyên đơn giải chấp rút toàn bộ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, nên không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 9.484.380.543 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền

phải trả cho nguyên đơn là 112.000.000 đồng + 0,1% (9.484.380.543 - 4.000.000.000 đồng) = 117.484.380 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần MK phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1509.11/HĐTD-TPBHP/MK ngày 15-9-2011 là 9.484.380.543 (Chín tỷ một trăm tám mươi tư triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi ba) đồng; bao gồm: Nợ gốc 1.790.000.000 (Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 138.232.409 (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm linh chín) đồng, nợ lãi quá hạn 7.556.148.125 (Bảy tỷ năm trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng.

1.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP về xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487, tờ bản đồ số 10, diện tích 837m² và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng diện tích 170m² tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC057913 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18-11-2005 cho bà NLQ4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 487a, tờ bản đồ số 10, diện tích 281m² đất tại thôn N, xã O, huyện P, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA854193 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15-10-2010 cho bà NLQ2 và chồng là ông NLQ1.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần MK phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 117.484.380 (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn ba trăm

tám mươi) đồng; trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.184.000 (Năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007793 ngày 20-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường